

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22804901] - Thí nghiệm điện từ
công suất (CCQ2206AB)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060031	Lê Vinh	Bình	06/09/2004	CCQ2206A		Bình	5,3	6,8	6,2
2	2122060018	Võ An	Bình	08/07/2004	CCQ2206A					
3	2122060022	Ngô Hoàng	Chiến	23/05/2004	CCQ2206A		Chiến	8,0	8,5	8,3
4	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A					
5	2122060014	Cao Hoàng	Hải	29/07/2004	CCQ2206A		Hoàng	8,2	8,5	8,4
6	2122060030	Nguyễn Công	Hậu	14/01/2003	CCQ2206A		Chấn	4,8	6,0	5,5
7	2121060035	Đặng Thanh	Hiếu	17/08/2003	CCQ2106A		Hàn	7,3	8,0	7,7
8	2122140020	Trần Minh	Hiếu	29/09/2004	CCQ2206A		Hiếu	3,3	3,3	3,3
9	2122060072	Nguyễn Cảnh	Hoàng	16/10/2004	CCQ2206A		Thương	6,2	6,8	6,5
10	2122060007	Nguyễn Xuân	Hới	11/02/2000	CCQ2206A		Hối	5,7	5,3	5,4
11	2122060004	Trần Việt	Huyền	03/07/2004	CCQ2206A		Thủy	8,5	9,3	9,0
12	2122060021	Nguyễn Minh	Khoa	28/05/2004	CCQ2206A					
13	2122060026	Trần Văn	Kiệt	25/11/2004	CCQ2206A		Vankier	7,2	7,3	7,2
14	2122060010	Châu Ngọc	Lân	03/03/2004	CCQ2206A					
15	2122060028	Nguyễn Ngọc	Lân	20/12/2004	CCQ2206A		Long	5,0	7,3	6,4
16	2122060016	Văn Tấn	Lộc	21/08/2004	CCQ2206A		Lộc	5,5	7,3	6,6
17	2122060062	Phan Văn	Nguyên	16/06/2003	CCQ2206B		Nguyễn	3,3	3,3	3,3
18	2122060009	Nguyễn Hoài	Nhân	25/02/2004	CCQ2206A					
19	2122060036	Trần Văn	Phú	26/05/2004	CCQ2206B		Phu	3,8	7,0	5,7
20	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A		Phu	5,2	6,3	5,8
21	2122060001	Lê Vinh	Quảng	20/01/2000	CCQ2206A		Quảng	5,7	6,5	6,2
22	2122060002	Nguyễn Gia	Quyết	26/01/1999	CCQ2206A		Quyết	6,2	8,3	7,4
23	2122060025	Bùi Thành	Tài	02/06/2003	CCQ2206A		Tài	8,5	9,5	9,1
24	2121060025	Phạm Đỗ Quốc	Tân	31/10/2003	CCQ2106A					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22804902] - Thí nghiệm điện tử
công suất (CCQ2206AB)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

Số SV có mặt: 14..

Số bài thi:14..

Số tờ giấy thi: 14..

Đào Thành Sung *Đào Thành Sung*
Đào Thành Sung *Đào Thành Sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060027	Lê Minh Tánh	24/07/2004	CCQ2206A		<i>Tánh</i>	8,2	8,3	8,3
2	2122140019	Nguyễn Công Tây	21/05/2003	CCQ2206A					
3	2122060042	Trần Văn Thạnh	15/08/2004	CCQ2206B					
4	2122060078	Mã Thanh Thịnh	19/12/2004	CCQ2206B					
5	2122060008	Nguyễn Tấn Thuận	09/10/2004	CCQ2206A					
6	2122050084	Võ Văn Minh Thuận	29/06/2004	CCQ2205C					
7	2122060060	Lương Thanh Tiên	04/08/2004	CCQ2206B		<i>Tiên</i>	8,0	8,3	8,2
8	2122060053	Trần Quốc Toàn	10/05/2004	CCQ2206B		<i>Toàn</i>	5,3	6,0	5,7
9	2122060082	Trần Thị Ngọc Trâm	28/02/2004	CCQ2206A		<i>Trâm</i>	8,0	7,5	7,7
10	2122060050	Trần Nguyễn Ngọc Trí	10/01/2004	CCQ2206B					
11	2122050025	Đặng Minh Trức	07/01/2004	CCQ2205A					
12	2122170099	Nguyễn Hồng Trung	01/12/2004	CCQ2206B		<i>Trung</i>	7,8	7,8	7,8
13	2122060034	Trần Minh Trung	05/06/2002	CCQ2206A		<i>Trung</i>	5,5	6,0	5,8
14	2122060056	Nguyễn Đình Trường	10/08/2004	CCQ2206B		<i>Trường</i>	6,7	7,2	7,0
15	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam Trường	02/11/2004	CCQ2206B		<i>Trường</i>	2,3	6,5	4,8
16	2122060035	Nguyễn Huy Tuấn	01/01/2004	CCQ2206A		<i>Tuấn</i>	3,5	4,8	4,3
17	2122060011	Nguyễn Thanh Tuấn	02/08/2004	CCQ2206A		<i>Tuấn</i>	7,8	8,2	8,0
18	2121060024	Nguyễn Việt Tuấn	12/10/2003	CCQ2106A		<i>Tuấn</i>	7,2	7,5	7,4
19	2122060012	Võ Thị Thu Uyên	29/09/2004	CCQ2206A		<i>Uyên</i>	8,7	9,0	8,9
20	2122060055	Long Quốc Viên	17/06/2003	CCQ2206B		<i>Viên</i>	8,5	8,8	8,7
21	2122140015	Ngô Hoàng Việt	07/07/2004	CCQ2205A					
22	2122060083	Lê Nhứt Vinh	20/10/2003	CCQ2206B					
23	2122060075	Nguyễn Trần Hoàn Vũ	17/11/2003	CCQ2206A		<i>Vũ</i>	8,7	9,2	9,0
24	2122110026	Phạm Anh Vũ	19/09/2004	CCQ2206A					